

Số: **H87**/STC-QLNS

Tuyên Quang, ngày **05** tháng 3 năm 2024

V/v đăng tải, xin ý kiến dự thảo  
Nghị quyết của HĐND tỉnh quy  
định mức lập dự toán đối với  
nhiệm vụ khoa học và công nghệ

Kính gửi:

- Ủy ban Mặt trận Tổ Quốc Việt Nam tỉnh Tuyên Quang;
- Các Sở, ban, ngành cấp tỉnh;
- UBND các huyện, thành phố;
- Trung tâm Thông tin Hội nghị tỉnh.

Thực hiện chỉ đạo của UBND tỉnh tại Công văn số 2002/UBND-TC ngày 17/5/2023 về việc áp dụng định mức chi lập dự toán kinh phí thực hiện đề tài, dự án khoa học và công nghệ cấp tỉnh.

Trên cơ sở Thông tư số 03/2023/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ; Thông tư số 02/2023/TT-BKHCN ngày 08/5/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về hướng dẫn một số nội dung chuyên môn phục vụ công tác xây dựng dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước; dự thảo Quyết định UBND tỉnh về việc công bố kết quả hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang ban hành kỳ hệ thống hóa 2019 - 2023. Sở Tài chính đã xây dựng dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định mức lập dự toán đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

Để Sở Tài chính hoàn thiện dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh, Sở Tài chính trân trọng đề nghị Quý cơ quan, đơn vị:

1. Các cơ quan, đơn vị (như mục kính gửi) tham gia ý kiến vào dự thảo Tờ trình của UBND tỉnh và dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh, ý kiến tham gia bằng văn bản gửi Sở Tài chính **trước ngày 06/4/2024** để hoàn thiện dự thảo Nghị quyết theo quy định.

2. Đề nghị Sở Khoa học và Công nghệ; Trường Đại học Tân Trào; Trường Chính trị tỉnh; UBND huyện, thành phố: Ngoài nội dung tham gia ý kiến vào dự thảo Tờ trình của UBND tỉnh và dự thảo Nghị quyết của HĐND tỉnh, đề nghị báo cáo tình hình thực hiện các mức chi đối với nhiệm vụ khoa học công nghệ cấp cơ sở đã và đang thực hiện từ năm 2020 tới nay (cụ thể số lượng, nội dung nhiệm vụ, việc áp dụng mức chi đối với từng nội dung nhiệm vụ, khó khăn, vướng mắc và đề xuất).

3. Đề nghị Trung tâm Thông tin Hội nghị tỉnh (trực thuộc Văn phòng UBND tỉnh): Đăng tải Dự thảo Tờ trình của UBND tỉnh và dự thảo Nghị quyết

của Hội đồng nhân dân tỉnh lên Cổng thông tin điện tử tỉnh Tuyên Quang, mục góp ý dự thảo văn bản để lấy ý kiến nhân dân trong 30 ngày; tổng hợp ý kiến đóng góp của nhân dân trên Cổng thông tin điện tử tỉnh Tuyên Quang gửi Sở Tài chính để hoàn thiện trình UBND tỉnh.

*(Dự thảo Tờ trình và dự thảo Nghị quyết được đăng tải trên Website của Sở Tài chính tại địa chỉ <http://sotaichinh.tuyenquang.gov.vn> và được gửi trên hệ thống quản lý văn bản điều hành của các cơ quan, đơn vị).*

Sở Tài chính trân trọng đề nghị Quý cơ quan phối hợp thực hiện./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- UBND tỉnh (thay báo cáo);
- Trang Website Sở Tài chính;
- Văn phòng Sở;
- Lưu: VT; QLNS (B).



**Hà Trung Kiên**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH TUYỀN QUANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:



*Tuyên Quang, ngày tháng 3 năm 2024*

### **TỜ TRÌNH**

**Đề nghị ban hành Nghị quyết quy định định mức lập dự toán  
đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước  
trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang**

Kính gửi: Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XIX, kỳ họp thứ ....

UBND tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XIX, kỳ họp thứ .... ban hành Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định định mức lập dự toán đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang, nội dung cụ thể như sau:

#### **I. TÊN GỌI, TRÍCH YẾU NGHỊ QUYẾT**

Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định định mức lập dự toán đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

#### **II. SỰ CẦN THIẾT XÂY DỰNG VÀ BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT**

Hiện nay trên địa bàn tỉnh định mức chi đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước thực hiện theo Quyết định số 16/2015/QĐ-UBND ngày 20/11/2015 của UBND tỉnh về việc ban hành một số định mức chi đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước áp dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang

Tuy nhiên tới thời điểm hiện tại các căn cứ xây dựng và ban hành Quyết định số 16/2015/QĐ-UBND ngày 20/11/2015 của UBND tỉnh về việc ban hành một số định mức chi đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước áp dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang đã hết hiệu lực toàn bộ và một phần, cụ thể:

- 02/04 căn cứ ban hành Quyết định số 16/2015/QĐ-UBND ngày 20/11/2015 của UBND tỉnh đã hết hiệu lực thi hành gồm:

+ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003

+ Luật Ngân sách nhà nước ngày 16 tháng 12 năm 2002

- 01/04 căn cứ ban hành Quyết định số 16/2015/QĐ-UBND ngày 20/11/2015 của UBND tỉnh hết hiệu lực một phần: Thông tư liên tịch số 55/2015/TTLT/BTC-BKHHCN ngày 22/4/2015 của liên Bộ Tài chính - Khoa học và Công nghệ hướng dẫn định mức xây dựng, phân bổ dự toán và quyết toán

kinh phí đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước.

Bên cạnh đó tại Phụ lục số 4 kèm theo Quyết định số .../QĐ-UBND ngày .../3/2024 của UBND tỉnh về việc công bố kết quả hệ thống hóa văn bản quy phạm pháp luật do Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân tỉnh Tuyên Quang ban hành kỳ hệ thống hóa 2019 – 2023, Quyết định số 16/2015/QĐ-UBND ngày 20/11/2015 của UBND tỉnh kiến nghị xử lý là bãi bỏ.

Tại Khoản 1 Điều 2 Thông tư số 03/2023/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ quy định: “Các định mức lập dự toán kinh phí ngân sách nhà nước **quy định tại Thông tư này là định mức tối đa** áp dụng đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước. Căn cứ quy định tại Thông tư này, các bộ, cơ quan ngang bộ, cơ quan thuộc Chính phủ và **các địa phương căn cứ tình hình thực tế và khả năng ngân sách được giao để phê duyệt định mức lập dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ thuộc phạm vi quản lý để thực hiện thống nhất trong phạm vi bộ, cơ quan trung ương và địa phương**, đảm bảo phù hợp với đặc thù hoạt động khoa học và công nghệ của bộ, cơ quan trung ương, địa phương và khả năng cân đối ngân sách được giao, nhưng **tối đa không vượt quá định mức quy định tại Thông tư này**”;

Ngày 08/5/2023 Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ đã ban hành Thông tư số 02/2023/TT-BKHCHN về hướng dẫn một số nội dung chuyên môn phục vụ công tác xây dựng dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước, có hiệu lực từ ngày 23/6/2023. Tại Thông tư số 02/2023/TT-BKHCHN đã hướng dẫn việc điều chỉnh cách tính thù lao các chức danh, nhóm chức danh thực hiện các nội dung công việc của nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước.

Theo quy định tại điểm g Khoản 9 Điều 30 Luật Ngân sách nhà nước năm 2015 quy định Hội đồng nhân dân cấp tỉnh có nhiệm vụ, quyền hạn: “**Quyết định cụ thể đối với một số chế độ, tiêu chuẩn, định mức chi ngân sách theo quy định khung của Chính phủ**”.

Từ những nội dung trên việc đề nghị xây dựng Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định định mức lập dự toán đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang là phù hợp theo các quy định của pháp luật hiện hành và cần thiết để thực hiện thống nhất trên địa bàn tỉnh.

### III. MỤC ĐÍCH, QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG NGHỊ QUYẾT

#### 1. Mục đích

Bảo đảm việc triển khai thực hiện đúng, đầy đủ Thông tư số 03/2023/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính; tạo cơ sở pháp lý cho việc quản lý và sử dụng kinh phí phục vụ triển khai các nhiệm vụ khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh; đảm bảo công khai, minh bạch, thống nhất, phù hợp với hệ thống pháp luật

hiện hành và dự toán ngân sách được giao hằng năm.

Làm căn cứ để các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc xây dựng dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh. Đảm bảo sự thống nhất trong việc xây dựng dự toán và tổ chức thực hiện dự toán các nhiệm vụ khoa học và công nghệ trên địa bàn tỉnh.

## **2. Quan điểm:**

Phù hợp với quy định của pháp luật về ngân sách nhà nước, các quy định của pháp luật về khoa học và công nghệ; đúng phân cấp, trình tự, thẩm quyền theo quy định của pháp luật.

Bảo đảm tính khả thi, phù hợp tình hình thực tế của địa phương.

## **III. CĂN CỨ SOẠN THẢO VÀ BAN HÀNH NGHỊ QUYẾT**

Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Khoản 2 Điều 57 Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Luật Khoa học và công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;

Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;

Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Thông tư số 03/2023/TT-BTC của Bộ trưởng Bộ Tài chính quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ;

Thông tư số 02/2023/TT-BKHHCN ngày 08/5/2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ về hướng dẫn một số nội dung chuyên môn phục vụ công tác xây dựng dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước.

## **IV. QUÁ TRÌNH XÂY DỰNG DỰ THẢO NGHỊ QUYẾT**

Sở Tài chính đã có Công văn số .../STC-QLNS ngày ..3/2024 gửi các cơ quan có liên quan và Trung tâm thông tin hội nghị (Văn phòng UBND tỉnh) về việc tham gia ý kiến vào dự thảo Nghị quyết và đăng tải trên Cổng thông tin điện tử tỉnh Tuyên Quang để lấy ý kiến nhân dân. Kết quả đã có ... cơ quan, đơn vị được lấy ý kiến đã có ý kiến tham gia. Trung tâm thông tin hội nghị (Văn phòng UBND tỉnh) có Công văn số ... ngày .../.../2024 về việc tổng hợp các ý kiến đóng góp của các cơ quan, tổ chức và cá nhân đối với dự thảo văn bản QPPL, kết quả từ ngày .../3/2024 đến ngày .../4/2024 có ... ý kiến đóng góp từ hệ thống.

Căn cứ ý kiến tham gia, Sở Tài chính hoàn chỉnh dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh gửi Sở Tư pháp thẩm định theo quy định.

Căn cứ ý kiến thẩm định, Sở Tài chính hoàn chỉnh dự thảo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh theo ý kiến thẩm định của Sở Tư pháp tại Báo cáo thẩm định số .../BC-STP ngày .../...2023.

UBND tỉnh đã họp, xin ý kiến thành viên UBND tỉnh, hoàn thiện trình HĐND tỉnh khóa XIX, kỳ họp thứ ... theo quy định.

## V. NỘI DUNG CHÍNH CỦA VĂN BẢN

1. Dự kiến dự thảo Nghị quyết gồm 07 Điều:

(1) Điều 1: Phạm vi điều chỉnh

(2) Điều 2: Đối tượng áp dụng.

(3) Điều 3: Định mức lập dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ.

(4) Điều 4: Một số mức chi quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ

(5) Điều 5: Đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở quy định tại Điều 28 Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ

(6) Điều 6: Tổ chức thực hiện.

(7) Điều 7: Hiệu lực thi hành.

2. Các căn cứ xây dựng nội dung dự thảo Nghị quyết

Định mức lập dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước quy định tại Thông tư 03/2023/TT-BTC là định mức tối đa áp dụng đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp quốc gia sử dụng ngân sách nhà nước. Dự thảo Nghị quyết đề xuất định mức chi đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh bình quân bằng 79,5% (tùy theo từng nội dung) định mức quy định tại Thông tư 03/2023/TT-BTC. Định mức chi đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở bằng 60% mức chi đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh. Dự thảo Nghị quyết không quy định nội dung và mức chi ngoài các nội dung, định mức chi quy định tại Thông tư 03/2023/TT-BTC. Nội dung dự thảo Nghị quyết xây dựng đảm bảo trên cơ sở:

- Phù hợp với nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học và công nghệ ngân sách trung ương giao hằng năm, số lượng, danh mục các nhiệm vụ khoa học công nghệ hằng năm và quy định của Thông tư 03/2023/TT-BTC

- Trên cơ sở tham khảo định mức chi đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước của một số tỉnh miền núi phía Bắc như Lạng Sơn, Cao Bằng, Hà Giang, Bắc Kạn (bình quân bằng 70- 80% Thông tư 03/2023/TT-BTC).

- Định mức chi đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở bằng 60% mức chi đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh phù hợp với quy định tại Quyết định số 16/2015/QĐ-UBND ngày 20/11/2015 của UBND tỉnh.

**VI. NHỮNG ĐIỀU CÓ Ý KIẾN KHÁC NHAU: Không**

**VII. KIẾN NGHỊ, ĐỀ XUẤT: Không**

*Tài liệu kèm theo Tờ trình gồm: Dự thảo Nghị quyết; Biểu tổng hợp ý kiến tham gia của các cơ quan, đơn vị; Biểu giải trình báo cáo thẩm định.*

Ủy ban nhân dân tỉnh kính trình Hội đồng nhân dân tỉnh khóa XIX, kỳ họp thứ.../.

*Nơi nhận:*

**T.M ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN  
TỈNH TUYÊN QUANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .../2024/NQ-HĐND

Tuyên Quang, ngày ... tháng ... năm 2024



**NGHỊ QUYẾT**

**Quy định định mức lập dự toán  
đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước  
trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TUYÊN QUANG  
KHÓA XIX, KỲ HỌP THỨ ...**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015 ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019; Khoản 2 Điều 57 Luật Quy hoạch ngày 24 tháng 11 năm 2017;*

*Căn cứ Luật Khoa học và Công nghệ ngày 18 tháng 6 năm 2013;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015 ngày 22 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Luật Ngân sách Nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015; Khoản 3 Điều 217 Luật Doanh nghiệp ngày 17 tháng 6 năm 2020;*

*Căn cứ Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Khoa học và công nghệ ;*

*Căn cứ Thông tư số 03/2023/TT-BTC ngày 10 tháng 01 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2023/TT-BKHCN ngày 08 tháng 5 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn một số nội dung chuyên môn phục vụ công tác xây dựng dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học có sử dụng ngân sách nhà nước;*

*Xét Tờ trình số .../TTr-UBND ngày ... tháng ... năm 2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc đề nghị ban hành Nghị quyết của HĐND tỉnh quy định định mức lập dự toán đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang; Báo cáo thẩm tra số .../BC-HĐND ngày .. tháng ... năm 2023 của Ban ... Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.*

**QUYẾT NGHỊ:**



## **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

1. Nghị quyết này quy định định mức lập dự toán đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

2. Các nội dung không quy định tại Nghị quyết này thực hiện theo Thông tư số 03/2023/TT-BTC ngày 10 tháng 01 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Tài chính Quy định lập dự toán, quản lý sử dụng và quyết toán kinh phí ngân sách nhà nước thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ; Thông tư số 02/2023/TT-BKHHCN ngày 08 tháng 5 năm 2023 của Bộ trưởng Bộ Khoa học và Công nghệ hướng dẫn một số nội dung chuyên môn phục vụ công tác xây dựng dự toán thực hiện nhiệm vụ khoa học có sử dụng ngân sách nhà nước (sau đây viết tắt là Thông tư số 02/2023/TT-BKHHCN) và các văn bản pháp luật và các hướng dẫn hiện hành.

3. Nhiệm vụ khoa học và công nghệ sử dụng nguồn vốn ngoài ngân sách nhà nước được thực hiện theo các định mức chi quy định hiện hành đối với các nguồn nguồn vốn đó; khuyến khích các áp dụng thực hiện theo quy định tại Nghị quyết này.

4. Trường hợp văn bản được dẫn chiếu tại Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung, thay thế thì được thực hiện theo văn bản mới ban hành.

## **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

1. Các cơ quan quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ, cơ quan phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang;

2. Các tổ chức, cá nhân thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước và các tổ chức, cá nhân khác có liên quan.

## **Điều 3. Định mức lập dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh**

1. Dự toán chi thù lao tham gia nhiệm vụ khoa học và công nghệ

a) Chi tiền thù lao

*Đơn vị tính: Nghìn đồng*

<b>STT</b>	<b>Chức danh</b>	<b>Đơn vị tính</b>	<b>Định mức</b>
1	Chủ nhiệm nhiệm vụ	Người/ tháng	28.000
2	Thư ký khoa học	Người/ tháng	8.400
3	Thành viên chính	Người/ tháng	22.400

STT	Chức danh	Đơn vị tính	Định mức
4	Thành viên	Người/ tháng	11.200
5	Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ	Người/ tháng	5.600

b) Dự toán chi thù lao cho từng chức danh được xác định theo quy định tại Điều 5 Thông tư số 02/2023/TT-BKHCN.

2. Dự toán chi hội nghị, hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học, công tác phí trong nước, hợp tác quốc tế (đoàn ra, đoàn vào) phục vụ hoạt động nghiên cứu

a) Chi hội nghị, công tác phí trong nước, hợp tác quốc tế (đoàn ra, đoàn vào) phục vụ hoạt động nghiên cứu: Nghị quyết số 19/2017/NQ-HĐND ngày 06 tháng 12 năm 2017 của HĐND tỉnh Quy định chế độ chi công tác phí, chế độ chi hội nghị, chế độ chi tiếp khách áp dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang; Nghị quyết số 03/2019/NQ-HĐND ngày 01 tháng 8 năm 2019 của HĐND tỉnh Quy định chế độ tiếp khách nước ngoài vào làm việc, chi tổ chức hội nghị, hội thảo quốc tế và chi tiếp khách trong nước áp dụng trên địa bàn tỉnh Tuyên Quang.

b) Chi thù lao tham gia hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học

*Đơn vị tính: Nghìn đồng*

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Mức chi
1	Người chủ trì	Người/ Hội thảo	1.400
2	Thư ký	Người/ Hội thảo	350
3	Báo cáo viên trình bày tại hội thảo	Người/ Hội thảo	2.100
4	Báo cáo khoa học được cơ quan tổ chức hội thảo đặt hàng nhưng không trình bày tại hội thảo	Người/ báo cáo	1.050
5	Thành viên tham gia hội thảo	Người/ Hội thảo	210

3. Dự toán chi hợp tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (nếu có): Áp dụng bằng 50% mức chi của Hội đồng tư vấn đánh giá nghiệm thu quy định tại điểm a khoản 1 Điều 4 Nghị quyết này.

4. Dự toán chi quản lý chung nhiệm vụ khoa học và công nghệ bằng 5% tổng dự toán kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước nhưng tối đa không quá 50 triệu đồng/nhiệm vụ.

**Điều 4. Một số mức chi quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp tỉnh**

1. Chi hoạt động của các Hội đồng tư vấn khoa học và công nghệ

a) Chi tiền thù lao

*Đơn vị tính: Nghìn đồng*

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Mức chi
<b>1</b>	<b>Chi tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ</b>		
a	Chi họp Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ	Hội đồng	
-	Chủ tịch Hội đồng		1.050
-	Phó Chủ tịch Hội đồng; thành viên Hội đồng		700
-	Thư ký khoa học		300
-	Thư ký hành chính		300
-	Đại biểu được mời tham dự		200
b	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu nhận xét đánh giá	
-	Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng		350
-	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng		500
c	Chi thù lao xây dựng yêu cầu đặt hàng đối với các nhiệm vụ đề xuất thực hiện của Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ	Nhiệm vụ	
-	Chủ tịch hội đồng		500

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Mức chi
-	Phó chủ tịch hội đồng, thành viên hội đồng		350
<b>2</b>	<b>Chi về tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ</b>		
a	Chi họp Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ	Hội đồng	
-	Chủ tịch Hội đồng		1.260
-	Phó chủ tịch hội đồng; thành viên Hội đồng		1.050
-	Thư ký khoa học		300
-	Thư ký hành chính		300
-	Đại biểu được mời tham dự		200
b	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu nhận xét đánh giá	
-	Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng		500
-	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng		700
<b>3</b>	<b>Chi tư vấn đánh giá nghiệm thu chính thức nhiệm vụ khoa học và công nghệ</b>		
a	Chi họp Hội đồng nghiệm thu	Nhiệm vụ	
-	Chủ tịch hội đồng		1.260
-	Phó Chủ tịch Hội đồng; thành viên hội đồng		1.050
-	Thư ký khoa học		300

STT	Nội dung công việc	Đơn vị tính	Mức chi
-	Thư ký hành chính		300
-	Đại biểu được mời tham dự		200
b	Chi nhận xét đánh giá	01 phiếu nhận xét đánh giá	
-	Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng		500
-	Nhận xét đánh giá của ủy viên phản biện trong Hội đồng		700
4	<b>Chi thù lao chuyên gia xử lý các vấn đề kỹ thuật hỗ trợ cho hoạt động của Hội đồng</b>	Chuyên gia	1.050

b) Dự toán chi hoạt động của các Hội đồng tư vấn khác được quy định tại Thông tư quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ của Bộ Khoa học và Công nghệ (nếu có) được áp dụng bằng 50% mức chi của Hội đồng tư vấn đánh giá nghiệm thu quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.

2. Chi tiền thù lao hoạt động của tổ thẩm định kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ

*Đơn vị tính: Nghìn đồng*

STT	Nội dung	Đơn vị tính	Mức chi
1	Tổ trưởng tổ thẩm định	nhiệm vụ	700
2	Thành viên tổ thẩm định	nhiệm vụ	500
3	Thư ký hành chính	nhiệm vụ	300
4	Đại biểu được mời tham dự	nhiệm vụ	200

3. Định mức xây dựng dự toán chi thuê chuyên gia tư vấn độc lập:

Trong trường hợp cần thiết phải thuê chuyên gia tư vấn độc lập theo quy định tại khoản 1 Điều 8 Thông tư số 02/2023/TT-BKH-CN. Tổng mức dự toán chi thuê chuyên gia tư vấn độc lập được tính tối đa bằng 4 lần mức chi thù lao (gồm tiền họp Hội đồng của Chủ tịch Hội đồng và chi nhận xét đánh giá của ủy

viên phản biện trong Hội đồng) của Hội đồng tương ứng và do cơ quan có thẩm quyền quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ quyết định và chịu trách nhiệm.

4. Dự toán chi tiền công cho Hội đồng đánh giá nhiệm vụ khoa học và công nghệ (trong trường hợp cần thiết có Hội đồng đánh giá trong quá trình thực hiện nhiệm vụ khoa học công nghệ; sau khi giao quyền sở hữu, quyền sử dụng kết quả nghiên cứu khoa học và phát triển công nghệ): Áp dụng bằng 50% mức chi của Hội đồng tư vấn đánh giá nghiệm thu nhiệm vụ khoa học và công nghệ quy định tại điểm a khoản 1 Điều này.

**Điều 5.** Đối với nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở quy định tại Điều 28 Nghị định số 08/2014/NĐ-CP ngày 27 tháng 01 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Khoa học và Công nghệ

1. Mức chi không quá 60% mức chi đối với các nội dung chi tương ứng quy định tại khoản 1, điểm b khoản 2, khoản 3, khoản 4 Điều 3; Điều 4 Nghị quyết này; các nội dung chi khác thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

2. Mức chi cụ thể do Thủ trưởng cơ quan phê duyệt nhiệm vụ khoa học và công nghệ cấp cơ sở quyết định.

#### **Điều 6. Tổ chức thực hiện**

1. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức thực hiện Nghị quyết này theo đúng quy định của pháp luật.

2. Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát thực hiện Nghị quyết này.

#### **Điều 7. Hiệu lực thi hành**

1. Đối với các nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt, phân bổ kinh phí thực hiện trước thời điểm Nghị quyết này có hiệu lực thì tiếp tục thực hiện theo quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền và các quy định của pháp luật có liên quan cho đến khi kết thúc thời gian thực hiện nhiệm vụ.

2. Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Tuyên Quang khóa XIX, kỳ họp thứ ... thông qua ngày ... tháng .. năm 2024, có hiệu lực thi hành kể từ ngày ... tháng ... năm 2024./.

#### **Nơi nhận:**

- Ủy ban Thường vụ Quốc hội;
- Chính phủ;
- Các văn phòng: Quốc hội, Chủ tịch nước, Chính phủ;
- Bộ Khoa học và Công nghệ;
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp;
- Vụ Pháp chế - Bộ Tài chính;
- Thường trực Tỉnh ủy, HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Ủy ban MTTQ Việt Nam tỉnh và các tổ chức chính

**CHỦ TỊCH**

**Lê Thị Kim Dung**

- trị - xã hội tỉnh;
- Đại biểu HĐND tỉnh, Các Ban của HĐND tỉnh;
  - Các sở, ban, ngành cấp tỉnh;
  - Các văn phòng: Tỉnh ủy, Đoàn ĐBQH và HĐND tỉnh, UBND tỉnh;
  - Thường trực HĐND, UBND các huyện, thành phố;
  - Thường trực HĐND, UBND các xã, phường, thị trấn;
  - Công báo tỉnh Tuyên Quang;
  - Báo Tuyên Quang;
  - Đài Phát thanh - Truyền hình tỉnh;
  - Cổng thông tin điện tử tỉnh;
  - Trang thông tin điện tử HĐND tỉnh;
  - Lưu: VT.

**SO SÁNH DỰ THẢO NỘI DUNG, ĐỊNH MỨC CHI ĐỐI VỚI CÁC NHIỆM VỤ KHOA HỌC VÀ CÔNG NGHỆ CÓ SỬ DỤNG NSNN VỚI THÔNG TƯ 55/2015/TTLT-BKHCN-BTC, QUYẾT ĐỊNH 16/2015/QĐ-UBND, NGHỊ QUYẾT CỦA CÁC TỈNH MIỀN NÚI PHÍA BẮC VÀ THÔNG TƯ 03/2023/TT-BTC**

*(Kèm theo dự thảo Tờ trình của Ủy ban nhân dân tỉnh)*

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Thông tư 55/2015/TTLT-BKHCN-BTC (1 tháng 22 ngày công, lương cơ sở 1,8 triệu đồng)	Quyết định 16/2015/QĐ-UBND (1 tháng 22 ngày công, lương cơ sở 1,8 triệu đồng)		Thông tư 03/2023/TT-BTC	Tỉnh Lạng Sơn	Tỉnh Cao Bằng	Tỉnh Hà Giang	Tỉnh Bắc Kạn (dự thảo)	Dự thảo Nghị quyết tỉnh Tuyên Quang (khoảng 70% Thông tư 03/2023/TT-BTC)	So sánh	
				Cấp tỉnh	Cấp cơ sở							Dự thảo NQ/ QĐ 16	Dự thảo NQ/ TT03
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
<b>I</b>	<b>Các định mức chi làm căn cứ xây dựng dự toán nhiệm vụ khoa học và công nghệ có sử dụng ngân sách nhà nước của tổ chức chủ trì thực hiện nhiệm vụ</b>												
<b>1</b>	<b>Định mức chi thù lao cho chức danh, nhóm chức danh thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ</b>												
	Chủ nhiệm nhiệm vụ	Người/ tháng	31.284.000	24.948.000	20.196.000	40.000.000	32.000.000	32.000.000	32.000.000	30.000.000	28.000.000	112,2%	70,0%
	Thư ký khoa học	Người/ tháng	19.404.000	15.444.000	12.276.000	12.000.000	9.600.000	9.600.000	9.600.000	9.000.000	8.400.000	54,4%	70,0%
	Thành viên chính	Người/ tháng	19.404.000	15.444.000	12.276.000	32.000.000	25.600.000	25.600.000	25.600.000	24.000.000	22.400.000	145,0%	70,0%
	Thành viên	Người/ tháng	9.900.000	7.920.000	6.336.000	16.000.000	12.800.000	12.800.000	12.800.000	12.000.000	11.200.000	141,4%	70,0%
	Kỹ thuật viên, nhân viên hỗ trợ	Người/ tháng	6.336.000	5.148.000	3.960.000	8.000.000	6.400.000	6.400.000	6.400.000	6.000.000	5.600.000	108,8%	70,0%
<b>2</b>	<b>Chi thù lao tham gia hội thảo khoa học, diễn đàn, tọa đàm khoa học</b>												
	Người chủ trì	Người/ Hội thảo	1.500.000	500.000,0	300.000,0	2.000.000	1.600.000	1.600.000	1.600.000	1.400.000	1.400.000	280,0%	70,0%
	Thư ký	Người/ Hội thảo	500.000	300.000,0	180.000,0	500.000	400.000	400.000	500.000	350.000	350.000	116,7%	70,0%
	Báo cáo viên trình bày tại hội thảo	Người/ Hội thảo	2.000.000	700.000,0	420.000,0	3.000.000	2.400.000	2.400.000	2.400.000	2.100.000	2.100.000	300,0%	70,0%
	Báo cáo khoa học được cơ quan tổ chức hội thảo đặt hàng nhưng không trình bày tại hội thảo	Người/ báo cáo	1.000.000	500.000,0	300.000,0	1.500.000	1.200.000	1.200.000	1.200.000	1.100.000	1.050.000	210,0%	70,0%
	Thành viên tham gia hội thảo	Người/ Hội thảo	200.000	200.000,0	120.000,0	300.000	240.000	240.000	300.000	200.000	210.000	105,0%	70,0%
<b>3</b>	<b>Chi hợp tự đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ (50% Hội đồng tư vấn đánh giá nghiệm thu)</b>												
<i>a</i>	<i>Chi hợp hội đồng</i>												
	Chủ tịch Hội đồng	Người/ Hội đồng	750.000	700.000,0	420.000,0	900.000	720.000	700.000	720.000	750.000	630.000	90,0%	70,0%
	Phó chủ tịch Hội đồng; thành viên Hội đồng	Người/ Hội đồng	500.000	500.000,0	300.000,0	750.000	600.000	600.000	600.000	550.000	525.000	105,0%	70,0%
	Thư ký khoa học	Người/ Hội đồng				150.000	120.000	125.000	150.000	150.000	150.000		100,0%
	Thư ký hành chính	Người/ Hội đồng	150.000	300.000,0	180.000,0	150.000	120.000	125.000	150.000	150.000	150.000	50,0%	100,0%
	Đại biểu được mời dự	Người/ Hội đồng	100.000	200.000,0	120.000,0	100.000	80.000	75.000	100.000	100.000	100.000	50,0%	100,0%
<i>b</i>	<i>Chi nhận xét đánh giá</i>												
	Nhận xét, đánh giá của Ủy viên trong Hội đồng	Người/ Hội đồng	250.000	300.000,0	180.000,0	350.000	280.000	275.000	280.000	250.000	250.000	83,3%	71,4%
	Nhận xét, đánh giá của Ủy viên phản biện trong Hội đồng	Người/ Hội đồng	350.000	500.000,0	300.000,0	500.000	400.000	400.000	400.000	400.000	350.000	70,0%	70,0%
<b>4</b>	<b>Chi quản lý chung nhiệm vụ khoa học và công nghệ</b>	<b>Nhiệm vụ</b>	5% tổng dự toán kinh phí, tối đa không quá 200 triệu đồng/ nhiệm vụ	5% tổng dự toán kinh phí, tối đa không quá 50 triệu đồng/ nhiệm vụ	5% tổng dự toán kinh phí, tối đa không quá 300 triệu đồng/nhiệm vụ	Tối đa không quá 240 triệu đồng/nhiệm vụ	Tối đa không quá 240 triệu đồng/nhiệm vụ	Tối đa không quá 240 triệu đồng/nhiệm vụ	Tối đa không quá 240 triệu đồng/nhiệm vụ	Tối đa không quá 225 triệu đồng/nhiệm vụ	5% tổng dự toán kinh phí, tối đa không quá 50 triệu đồng/ nhiệm vụ		



TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Thông tư 55/2015/TTLT-BKHCN-BTC (1 tháng 22 ngày công, lương cơ sở 1,8 triệu đồng)	Quyết định 16/2015/QĐ-UBND (1 tháng 22 ngày công, lương cơ sở 1,8 triệu đồng)		Thông tư 03/2023/TT-BTC	Tỉnh Lạng Sơn	Tỉnh Cao Bằng	Tỉnh Hà Giang	Tỉnh Bắc Kạn (dự thảo)	Dự thảo Nghị quyết tỉnh Tuyên Quang (khoảng 70% Thông tư 03/2023/TT-BTC)	So sánh	
			Cấp tỉnh	Cấp cơ sở	Dự thảo NQ/ QĐ 16							Dự thảo NQ/ TT03	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
<b>II</b>	<b>Các nội dung chi quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ</b>												
<b>1</b>	<b>Chi tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ</b>												
<i>a</i>	<i>Chi hợp Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ khoa học và công nghệ</i>												
	Chủ tịch Hội đồng	Người/ Hội đồng	1.000.000,0	700.000,0	420.000,0	1.500.000	1.200.000	1.200.000	1.200.000	1.100.000	1.050.000	150,0%	70,0%
	Phó Chủ tịch Hội đồng; thành viên Hội đồng	Người/ Hội đồng	800.000,0	500.000,0	300.000,0	1.000.000	800.000	800.000	800.000	800.000	700.000	140,0%	70,0%
	Thư ký khoa học	Người/ Hội đồng				300.000	240.000	250.000	300.000	240.000	300.000		100,0%
	Thư ký hành chính	Người/ Hội đồng	300.000,0	300.000,0	180.000,0	300.000	240.000	250.000	300.000	240.000	300.000	100,0%	100,0%
	Đại biểu được mời tham dự	Người/ Hội đồng	200.000,0	200.000,0	120.000,0	200.000	160.000	150.000	200.000	150.000	200.000	100,0%	100,0%
<i>b</i>	<i>Chi nhận xét đánh giá</i>												
	Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng	01 phiếu	300.000,0	300.000,0	180.000,0	500.000	400.000	400.000	400.000	350.000	350.000	116,7%	70,0%
	Nhận xét đánh giá của ủy viên phân biên trong Hội đồng	01 phiếu	500.000,0	500.000,0	300.000,0	700.000	560.000	550.000	560.000	550.000	500.000	100,0%	71,4%
<i>c</i>	<i>Chi thù lao xây dựng yêu cầu đặt hàng đối với các nhiệm vụ đề xuất thực hiện của Hội đồng tư vấn xác định nhiệm vụ</i>												
	Chủ tịch hội đồng	Người/ Hội đồng				700.000	560.000	550.000	560.000	500.000	500.000		71,4%
	Phó chủ tịch hội đồng, thành viên hội đồng	Người/ Hội đồng				500.000	400.000	400.000	400.000	350.000	350.000		70,0%
<b>2</b>	<b>Chi về tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ</b>												
<i>a</i>	<i>Chi hợp Hội đồng tư vấn tuyển chọn, giao trực tiếp tổ chức, cá nhân chủ trì nhiệm vụ khoa học và công nghệ</i>												
	Chủ tịch Hội đồng	Người/ Hội đồng	1.500.000	700.000	420.000	1.800.000	1.440.000	1.400.000	1.440.000	1.300.000	1.260.000	180,0%	70,0%
	Phó chủ tịch hội đồng; thành viên Hội đồng	Người/ Hội đồng	1.000.000	500.000	300.000	1.500.000	1.200.000	1.200.000	1.200.000	1.100.000	1.050.000	210,0%	70,0%
	Thư ký khoa học	Người/ Hội đồng				300.000	240.000	250.000	300.000	240.000	300.000		100,0%
	Thư ký hành chính	Người/ Hội đồng	300.000	300.000	180.000	300.000	240.000	250.000	300.000	240.000	300.000	100,0%	100,0%
	Đại biểu được mời tham dự	Người/ Hội đồng	200.000	200.000	120.000	200.000	160.000	150.000	200.000	150.000	200.000	100,0%	100,0%
<i>b</i>	<i>Chi nhận xét đánh giá</i>												
	Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng	01 phiếu	500.000	300.000	180.000	700.000	560.000	550.000	560.000	500.000	500.000	166,7%	71,4%
	Nhận xét đánh giá của ủy viên phân biên trong Hội đồng	01 phiếu	700.000	500.000	300.000	1.000.000	800.000	800.000	800.000	800.000	700.000	140,0%	70,0%
<b>3</b>	<b>Chi tư vấn đánh giá nghiệm thu chính thức nhiệm vụ khoa học và công nghệ</b>												
<i>a</i>	<i>Chi hợp Hội đồng nghiệm thu</i>												
	Chủ tịch hội đồng	Người/ Hội đồng	1.500.000	700.000	420.000	1.800.000	1.440.000	1.400.000	1.440.000	1.300.000	1.260.000	180,0%	70,0%
	Phó Chủ tịch Hội đồng; thành viên hội đồng	Người/ Hội đồng	1.000.000	500.000	300.000	1.500.000	1.200.000	1.200.000	1.200.000	1.100.000	1.050.000	210,0%	70,0%

TT	Nội dung chi	Đơn vị tính	Thông tư 55/2015/TTLT-BKHCN-BTC (1 tháng 22 ngày công, lương cơ sở 1,8 triệu đồng)	Quyết định 16/2015/QĐ-UBND (1 tháng 22 ngày công, lương cơ sở 1,8 triệu đồng)		Thông tư 03/2023/TT-BTC	Tỉnh Lạng Sơn	Tỉnh Cao Bằng	Tỉnh Hà Giang	Tỉnh Bắc Kạn (dự thảo)	Dự thảo Nghị quyết tỉnh Tuyên Quang (khoảng 70% Thông tư 03/2023/TT-BTC)	So sánh	
				Cấp tỉnh	Cấp cơ sở							Dự thảo NQ/ QĐ 16	Dự thảo NQ/ TT03
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12
	Thư ký khoa học	Người/ Hội đồng				300.000	240.000	250.000	300.000	240.000	300.000		
	Thư ký hành chính	Người/ Hội đồng	300.000	300.000	180.000	300.000	240.000	250.000	300.000	240.000	300.000	100,0%	100,0%
	Đại biểu được mời tham dự	Người/ Hội đồng	20.000	200.000	120.000	200.000	160.000	150.000	200.000	150.000	200.000	100,0%	100,0%
<b>b</b>	<b>Chi nhận xét đánh giá</b>												
	Nhận xét đánh giá của ủy viên Hội đồng	01 phiếu	500.000	300.000	180.000	700.000	560.000	550.000	560.000	500.000	500.000	166,7%	71,4%
	Nhận xét đánh giá của ủy viên phân biện trong Hội đồng	01 phiếu	700.000	500.000	300.000	1.000.000	800.000	800.000	800.000	800.000	700.000	140,0%	70,0%
<b>4</b>	<b>Chi thù lao chuyên gia xử lý các vấn đề kỹ thuật hỗ trợ cho hoạt động của Hội đồng</b>	Người/ Hội đồng				<b>1.500.000</b>					1.050.000		70,0%
<b>5</b>	<b>Chi tiền thù lao hoạt động của tổ thẩm định kinh phí thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ</b>												
	Tổ trưởng tổ thẩm định	Người/ Hội đồng	700.000	500.000	300.000	1.000.000	800.000	800.000	800.000	700.000	700.000	140,0%	70,0%
	Thành viên tổ thẩm định	Người/ Hội đồng	500.000	300.000	180.000	700.000	560.000	550.000	560.000	500.000	500.000	166,7%	71,4%
	Thư ký hành chính	Người/ Hội đồng	300.000	300.000	180.000	300.000	240.000	250.000	300.000	240.000	300.000	100,0%	100,0%
	Đại biểu được mời tham dự	Người/ Hội đồng	200.000	200.000	120.000	200.000	160.000	150.000	200.000	150.000	200.000	100,0%	100,0%
<b>6</b>	<b>Chi thuê chuyên gia tư vấn độc lập</b>		Tối đa bằng 5 lần mức chi tiền công (bao gồm chi tiền công hợp Hội đồng và chi nhận xét, đánh giá) của Chủ tịch Hội đồng tương ứng	Tối đa bằng 5 lần mức chi tiền công và chi nhận xét, đánh giá) của Chủ tịch Hội đồng tương ứng	Tổng mức dự toán chi thuê chuyên gia tư vấn độc lập được tính tối đa bằng 5 lần mức chi thù lao (gồm tiền hợp Hội đồng của Chủ tịch Hội đồng và chi nhận xét đánh giá của ủy viên phân biện trong Hội đồng) của Hội đồng tương ứng và do cơ quan có thẩm quyền quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ quyết định và chịu trách nhiệm.	Tổng mức dự toán chi thuê chuyên gia tư vấn độc lập được tính tối đa bằng 5 lần mức chi thù lao (gồm tiền hợp Hội đồng của Chủ tịch Hội đồng và chi nhận xét đánh giá của ủy viên phân biện trong Hội đồng) của Hội đồng tương ứng và do cơ quan có thẩm quyền quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ quyết định và chịu trách nhiệm.	Tổng mức dự toán chi thuê chuyên gia tư vấn độc lập được tính tối đa bằng 5 lần mức chi thù lao (gồm tiền hợp Hội đồng của Chủ tịch Hội đồng và chi nhận xét đánh giá của ủy viên phân biện trong Hội đồng) của Hội đồng tương ứng và do cơ quan có thẩm quyền quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ quyết định và chịu trách nhiệm.	Tổng mức dự toán chi thuê chuyên gia tư vấn độc lập được tính tối đa bằng 5 lần mức chi thù lao (gồm tiền hợp Hội đồng của Chủ tịch Hội đồng và chi nhận xét đánh giá của ủy viên phân biện trong Hội đồng) của Hội đồng tương ứng và do cơ quan có thẩm quyền quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ quyết định và chịu trách nhiệm.	Tổng mức dự toán chi thuê chuyên gia tư vấn độc lập được tính tối đa bằng 4 lần mức chi thù lao (gồm tiền hợp Hội đồng của Chủ tịch Hội đồng và chi nhận xét đánh giá của ủy viên phân biện trong Hội đồng) của Hội đồng tương ứng và do cơ quan có thẩm quyền quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ quyết định và chịu trách nhiệm.	Tổng mức dự toán chi thuê chuyên gia tư vấn độc lập được tính tối đa bằng 5 lần mức chi thù lao (gồm tiền hợp Hội đồng của Chủ tịch Hội đồng và chi nhận xét đánh giá của ủy viên phân biện trong Hội đồng) của Hội đồng tương ứng và do cơ quan có thẩm quyền quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ quyết định và chịu trách nhiệm.	Tổng mức dự toán chi thuê chuyên gia tư vấn độc lập được tính tối đa bằng 5 lần mức chi thù lao (gồm tiền hợp Hội đồng của Chủ tịch Hội đồng và chi nhận xét đánh giá của ủy viên phân biện trong Hội đồng) của Hội đồng tương ứng và do cơ quan có thẩm quyền quản lý nhiệm vụ khoa học và công nghệ quyết định và chịu trách nhiệm.		